| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 15 – LÂM ĐỒNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 92/2026/DS-ST
Ngày: 27-7-2026
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 - LÂM ĐỒNG**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Công Thịnh**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Nguyễn Ngọc Tài** – ông **Võ Thanh Đức**

***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Trương Thị Mỹ Tiên** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 15 - Lâm Đồng;

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 - Lâm Đồng tham gia phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Thị Linh Đan** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 187/2026/TLST-DS ngày 24/4/2026 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2026/QĐXXST- DS, ngày 18/6/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số: 73/2026/QĐST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 15 - Lâm Đồng, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà **Bạch Thị M**, sinh năm: 1986. Địa chỉ: Tổ dân phố B B, phường L, tỉnh Lâm Đồng (N là Tổ dân phố B, phường L, tỉnh Lâm Đồng) (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

**- Bị đơn:** Ông **Hồ Thanh C**, sinh năm: 1984 và bà **Nguyễn Như T**, sinh năm: 1989. Nơi đăng ký thường trú: Số 270/14 Nguyễn Xí, khu phố 36, phường Bình Lợi Trung, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở: Khu phố 2, phường Phước Hội, tỉnh Lâm Đồng (Nay là Tổ dân phố 2, phường Phước Hội, tỉnh Lâm Đồng). (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên bà Bạch Thị M trình bày:*

Vì mối quan hệ quen biết với nhau từ trước (Gia đình đều ở thị xã L, tỉnh Bình Thuận). Vợ chồng ông C hỏi vay tiền bà M để làm ăn, cụ thể vợ chồng ông C, bà T bắt đầu vay tiền vào năm 2022. Vợ chồng ông C vay nhiều lần nhưng vì chỗ quen biết với nhau nên các bên không làm giấy tay. Ban đầu khi tiến hành việc thỏa thuận

vay tiền thì vợ chồng ông C đến nhà bà M tại Tổ dân phố B B, phường L, tỉnh Lâm Đồng để vay tiền, sau đó, nhiều lần sau vợ chồng ông C cũng đến nhà tôi để tiếp tục vay tiền và trả tiền. Lâu dần, do quen biết với nhau nên có khi chuyển khoản cho bà T. Vợ chồng ông C vay tiền để làm đáo hạn, để kinh doanh bất động sản. Vợ chồng ông C vay và trả, có những khoản đã thanh toán, có những khoản chưa thanh toán. Đến ngày 07/2/2026 thì các bên mới tổng kết nợ, vợ chồng ông C, bà T ký xác nhận nợ bà M số tiền nợ gốc 03 tỷ đồng. Sau đó, bà đã yêu cầu nhiều lần, thông báo bằng văn bản về việc thanh toán nợ nhưng vợ chồng ông C không thanh toán. Khi thỏa thuận vay tiền thì các bên thoả thuận lãi suất 20%/năm, vợ chồng ông C, bà T chỉ trả được một thời gian, sau đó không trả nữa.

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án khu vực A - Lâm Đồng giải quyết buộc ông Hồ Thanh C và bà Nguyễn Như T phải hoàn trả cho tôi số tiền nợ gốc là 3.000.000.000 đồng và tiền lãi kể từ ngày xác nhận nợ cho đến khi thanh toán xong khoản nợ cho bà Bạch Thị M với lãi suất 20%/năm.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo đơn xin vắng mặt nguyên đơn xác định lại yêu cầu khởi kiện: yêu cầu ông Hồ Thanh C và bà Nguyễn Như T phải hoàn trả cho tôi số tiền nợ gốc là 3.000.000.000 đồng và tiền lãi kể từ ngày xác nhận nợ cho đến khi Toà án giải quyết với lãi suất 10%/năm.

*Bị đơn ông Hồ Thanh C, bà Nguyễn Như T trình bày:* Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn luôn vắng mặt không lý do và không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án, không có yêu cầu phản tố cũng như không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15, tỉnh Lâm Đồng cho rằng:

- Việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự; Thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tống đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng là phù hợp quy định pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử thực hiện đúng phiên tòa sơ thẩm; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đương sự đã thực hiện theo quy định.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Hồ Thanh C, bà Nguyễn Như T phải trả cho bà Bạch Thị M số tiền 3.000.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi phát sinh theo quy định. Ông Hồ Thanh C, bà Nguyễn Như T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đơn khởi kiện, thẩm tra các chứng cứ và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Nguyên đơn khởi kiện bị đơn ông Hồ Thanh C, bà Nguyễn Như T về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Việc thoả thuận vay tài sản và thực hiện hợp đồng tại phường L, tỉnh Lâm Đồng. Do đó, TAND khu vực 15 - Lâm Đồng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự

- Tại phiên tòa, bị đơn ông Hồ Thanh C, bà Nguyễn Như T vắng mặt; nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng ông C, bà T không có mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Đối với khoản nợ gốc:

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn cung cấp cho Toà án Giấy xác nhận nợ ngày 07/02/2026. Nội dung giấy tay thể hiện: *"Vợ chồng ông Hồ Thanh C, bà Nguyễn Như T còn nợ lại bà Bạch Thị M số tiền 3.000.000.000 đồng".*

Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: "*Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó.*

*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc".*

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Hồ Thanh C, bà Nguyễn Như T nhiều lần nhưng ông, bà không đến và cũng không có ý kiến gửi đến Tòa án nên việc vắng mặt của ông C, bà T được coi là từ bỏ các quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong vụ án.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Giữa các bên có xác lập hợp đồng vay tài sản có thời hạn theo quy định tại Điều 463, 470 của Bộ luật dân sự. Các bên tham gia hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự và tự nguyện giao kết hợp đồng; nội dung và mục đích hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy hợp đồng trên là hợp pháp, là căn cứ để giải quyết về quyền và nghĩa vụ của các bên.

Theo trình bày của đương sự và đối chiếu tài liệu nguyên đơn cung cấp có đủ căn cứ xác định: Ông Hồ Thanh C, bà Nguyễn Như T có vay của bà Bạch Thị M số tiền 3.000.000.000 đồng. Bà M đã thông báo về việc trả nợ, khởi kiện tại Toà án

nhưng ông C, bà T chưa trả nên việc bà M khởi kiện yêu cầu ông Hồ Thanh C, bà Nguyễn Như T trả khoản nợ đã vay 3.000.000.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ.

[2.2] Đối với khoản tiền lãi:

Nguyên đơn yêu cầu tính tiền lãi từ ngày xác nhận nợ cho đến khi Toà án giải quyết với lãi suất 10%/năm.

Xét thấy, theo Giấy xác nhận nợ ngày 07/02/2026 mà nguyên đơn cung cấp thể hiện lãi suất các bên tự thoả thuận. Như vậy, các bên cho vay có thoả thuận về lãi suất. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 07/02/2026 cho đến khi Toà án giải quyết với lãi suất 10%/năm đối với số tiền 3 tỷ đồng là phù hợp thực tế, đúng quy định của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tiền lãi từ ngày 07/02/2026 đến ngày 27/7/2026 là: 3.000.000.000 đồng x 10%/năm x 170 ngày = 141.438.000 đồng. (Đã làm tròn)

[2.3] Như vậy, tổng số tiền vay nợ gốc và lãi phía bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 3.000.000.000 đồng + 141.438.000 đồng = 3.141.438.000 đồng.

[2.4] Về trách nhiệm trả nợ:

Theo giấy xác nhận nợ được lập giữa bà Bạch Thị M và ông Hồ Thanh C, bà Nguyễn Như T thì có ông C, bà T ký xác nhận vay. Do đó, khoản tiền nợ gốc được xác định nêu trên, ông Hồ Thanh C, bà Nguyễn Như T có trách nhiệm liên đới trả nợ là phù hợp.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của Kiểm sát viên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

[4] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Căn cứ vào:**

- Khoản 3 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 40, Điều 91, Điều 128, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 463, 466, 468, 470, 357 Bộ luật Dân sự;

- Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Bạch Thị M:

Buộc ông Hồ Thanh C, bà Nguyễn Như T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Bạch Thị M số tiền **3.141.438.000** đồng, trong đó gồm 3.000.000.000 đồng đồng nợ gốc và 141.438.000 đồng tiền lãi tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm.

Kể từ ngày 28/7/2026 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí:

- Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Bạch Thị M số tiền 47.000.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai số 0007673 ngày 24/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

- Ông Hồ Thanh C, bà Nguyễn Như T phải chịu **94.828.500** đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 36 và Điều 71 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 15 – tỉnh Lâm Đồng;
- Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Công Thịnh**